

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST

Ngày: 26 - 6 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ký và ông Nguyễn Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - HS ngày 13/5/2024 đối với bị cáo:

Phùng Minh C; sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002; tại xã H, huyện H, tỉnh T; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đình T và bà Nguyễn Thị Th; vợ là Nguyễn Thị Châu G và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2024 đến ngày 28/01/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Thanh Th; sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh H, vắng mặt.

- Chị Trần Thị L; sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

- Chị Mai Thị Ng; sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

- Anh Trần Văn Q; sinh năm: 2004; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023, Phùng Minh C đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vay tiền với lãi suất vay từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất

cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với từng người vay như sau:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 2000 ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T vay của C hai lần, cụ thể:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 05/12/2022, C cho chị L vay số tiền 20.000.000đồng, hai bên viết giấy biên nhận vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/1triệu đồng/ngày. Chị L trả tiền lãi vay theo tháng (được tính 30 ngày) với số tiền 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*)/tháng, tương đương với mức lãi suất 12% tháng = 0,4% ngày = 146% năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 2.400.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong do C đang đi làm ở huyện Nga Sơn nên bảo **chị L đến nhà gặp Nguyễn Thị Châu G, sinh năm 2003, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H (vợ C) để lấy tiền. Chị G đưa cho chị L số tiền 16.600.000 đồng tiền mặt và chuyển cho L số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản số 10019092003 mở tại ngân hàng MBbank mang tên Nguyễn Thị Châu G đến tài khoản số 50510000294486 mở tại ngân hàng BIDV mang tên Trần Thị L.** Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, chị L chuyển tiền từ tài khoản số 50510000294486 mở tại ngân hàng BIDV mang tên Trần Thị L đến tài khoản ngân hàng số 220145678999 ngân hàng MB của Phùng Minh C vào các ngày 05/01/2023, 16/02/2023. Đến ngày 05/03/2023, C và chị L thống nhất không tính lãi của gói vay, chỉ trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 05/12/2022 đến ngày 05/03/2023, thời hạn vay là 90 ngày, số tiền chị L phải trả lãi là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Về tiền lãi, Chị L đã trả cho C tổng số tiền là 7.200.000 đồng. Số tiền nợ gốc Chị L đã trả hết cho C.

- *Lần thứ hai*: Ngày 16/12/2022, C cho chị L vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên viết giấy biên nhận vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Chị L trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 3.00.000đ (*ba triệu đồng*)/tháng (30 ngày), tương đương với mức lãi suất 15% tháng = 0,5% ngày = 182,5% năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 3.000.000 đồng, do C đang đi làm ở huyện Nga Sơn nên bảo **chị G chuyển số tiền 17.000.000 đồng từ tài khoản số 10019092003 mở tại ngân hàng Mbbank mang tên Nguyễn Thị Châu G đến tài khoản số 50510000294486 mở tại ngân hàng BIDV mang tên Trần Thị L.** Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, chị L chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng của Phùng Minh C vào các ngày 17/01/2023, 16/02/2023. Đến ngày 16/03/2023, C và chị L thống nhất không tính lãi của gói vay mà chị L phải trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 16/12/2022 đến ngày 16/03/2023, thời hạn vay là 90 ngày, số tiền chị L phải trả lãi là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng.

Đối với số tiền gốc 40.000.000 (*Bốn mươi triệu đồng*) C cho chị L vay trong cả hai khoản, C đã nhờ Trần Anh T, sinh năm 1999 trú tại thôn B, xã Ng, huyện Ng, tỉnh T thu số tiền gốc. Đến tháng 6/2023 T đã trực tiếp liên hệ thu số tiền 40.000.000 đồng từ chị L rồi đưa lại cho Phùng Minh C. Tổng số tiền lãi mà chị L đã đóng cho C là 16.200.000 (*Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền lãi tối đa

được thu theo quy định của bộ luật dân sự là 1.972.602 đồng, số tiền thu lợi bất chính của C trong hai gói vay trên là 14.227.398 đồng.

2. Anh Vũ Thanh Th, sinh năm 2003 ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T vay của C ba lần, cụ thể :

- *Lần thứ nhất:* Ngày 12/01/2023, C cho anh Th vay số tiền 40.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.333 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh Th trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 4.000.000 đồng/1tháng, tương đương với mức lãi suất 10% tháng = 0,333% ngày = 120% năm, gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 4.000.000 đồng, C chuyển số tiền 36.000.000 đồng từ tài khoản số 220145678999 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Phùng Minh C đến tài khoản số 9990128885555 mở tại ngân hàng Mbbank mang tên Vũ Thanh Th. Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, anh Th chuyển tiền từ tài khoản số 9990128885555 mở tại Ngân hàng Mbbank mang tên Vũ Thanh Th đến tài khoản ngân hàng của Phùng Minh C vào các ngày 13/02/2023, 17/03/2023, 20/04/2023. Đến ngày 12/05/2023, C và anh Th thống nhất không tính lãi của gói vay, anh Th chỉ phải trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/05/2023, thời hạn vay là 120 ngày, số tiền anh Th phải trả lãi là 16.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 2.630.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng. Anh Th đã trả cho C tổng số tiền lãi là 16.000.000 đồng, số tiền nợ gốc anh Th chưa trả cho C.

- *Lần thứ hai:* Ngày 17/03/2023, C cho anh Th vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.333 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh Th trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 4.000.000 đồng/1 tháng = 0,333% ngày = 10% tháng = 120% năm, gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. C chuyển số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản số 220145678999 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Phùng Minh C đến tài khoản số 9990128885555 mở tại Ngân hàng Mbbank mang tên Vũ Thanh Th. Anh Th nhận tiền và trả tiền lãi của tháng đầu tiên là 4.000.000 đồng vào tài khoản của C. Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, anh Th chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng của Phùng Minh C vào ngày 24/04/2023. Đến ngày 17/05/2023, C và anh Th thống nhất không tính lãi của gói vay, anh Th chỉ phải trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 17/05/2023, thời hạn vay là 60 ngày, số tiền anh Th phải trả lãi là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.013.699 đồng. Anh Th đã trả cho C tổng số tiền lãi là 8.000.000 đồng, số tiền nợ gốc anh Th chưa trả cho C.

- *Lần thứ ba:* Ngày 18/04/2023, C cho anh Th vay số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh Th trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 4.800.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 0,4% ngày = 12% tháng = 146% năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 4.800.000 đồng, C chuyển số tiền 35.200.000 đồng từ tài khoản số 220145678999 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Phùng Minh C đến tài khoản số 9990128885555 mở tại ngân hàng Mbbank mang tên Vũ Thanh Th. Đối với khoản vay này, anh Th mới trả lãi tháng đầu tiên. Đến ngày 18/05/2023, C và anh Th thống nhất không tính lãi của

gói vay, anh Th chỉ phải trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 18/04/2023 đến ngày 18/05/2023, thời hạn vay là 30 ngày, số tiền anh Th phải trả lãi là 4,800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng. Anh Th đã trả cho C tổng số tiền lãi là 4.800.000 đồng, số tiền nợ gốc anh Th chưa trả cho C.

Tổng số tiền lãi của ba khoản vay mà C đã thu của anh Th là 28.800.000đ (*Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó : tiền lãi tối đa được thu theo quy định của bộ luật dân sự là 4.273.972 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 24.526.028 đồng.

3. Chị Mai Thị Ng, sinh năm 2003 ở thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T vay của C một lần, cụ thể:

Ngày 20/03/2023, C cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. C và chị N thống nhất chuyển khoản 2 lần, mỗi lần chuyển khoản 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Chị Ng trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 1.500.000 đồng/1tháng, tương đương với mức lãi suất 0,5% ngày = 15% / tháng = 182,5% /năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 1.500.000 đồng, C chuyển số tiền 8.500.000 đồng từ tài khoản số 220145678999 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Phùng Minh C đến tài khoản số 107871603372 ngân hàng Viettinbank mang tên Mai Thị Ng. Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, chị Ng chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng của C vào các ngày 26/04/2023; 25/05/2023; 22/06/2023. Đến ngày 20/07/2023, C và chị Ng thống nhất không tính lãi của gói vay, chị Ng chỉ phải trả lại tiền gốc cho C. Từ ngày 20/03/2023 đến ngày 20/07/2023, thời hạn vay là 120 ngày, số tiền chị Ng phải trả lãi là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) nhưng hai bên thống nhất chị Ng trả cho C tổng số tiền lãi là 4.500.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 515.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.984.932 đồng. Số tiền nợ gốc chị Ng đã trả cho C 8.000.000 đồng vào các ngày 22/06/2023 và ngày 28/07/2023, chị Ng còn nợ lại C tiền gốc vay là 2.000.000 đồng.

4. Anh Trần Văn Q, sinh năm: 2004 ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T vay tiền của C hai lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 04/02/2023, C cho anh Q vay số tiền 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh Q trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 2.250.000đ (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng, tương đương với mức lãi suất 0,5% ngày = 15% tháng = 182,5% năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên, C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 2.250.000 đồng, C chuyển số tiền 12.750.000 đồng từ tài khoản số 220145678999 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Phùng Minh C đến tài khoản số 86288288888888 Ngân hàng Quân đội mang tên Trần Văn Q. Đến ngày 04/03/2023 anh Q đã trả bằng tiền mặt khoản vay trên. Từ ngày 04/02/2023 đến ngày 04/03/2023, thời hạn vay là 30 ngày, số tiền anh Q phải trả lãi là 2.250.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 230.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.019.863 đồng. Anh Q đã trả cho C số tiền lãi là 2.250.000 đồng, số tiền nợ gốc anh Q đã trả cho C 15.000.000 đồng vào ngày 04/03/2023.

- *Lần thứ hai*: Ngày 25/04/2023, C cho anh Q vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh Q trả tiền lãi vay theo tháng với số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*)/tháng (30 ngày), tương đương với mức lãi suất 0,5% ngày = 15% tháng = 182,5% năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tháng đầu tiên C cắt lãi trực tiếp từ tiền gốc của khoản vay là 3.000.000 đồng, C đưa số tiền 17.000.000 đồng tiền mặt cho anh Q. Đối với khoản vay này, khi trả tiền lãi, anh Q chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng của C vào ngày 17/06/2024. Từ ngày 25/04/2023 đến ngày 25/06/2023, thời hạn vay là 60 ngày, số tiền anh Q phải trả lãi là 6.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng. Anh Q đã trả cho C tiền lãi là 6.000.000 đồng và trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vào ngày 25/06/2023.

Tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho C là 8.250.000đ (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: tiền lãi được thu theo quy định của bộ luật dân sự là 887.671đồng, số tiền thu lợi bất chính của C trong gói vay trên là 7.362.329đồng.

Trong các khoản vay trên, đối với khoản vay của anh Trần Văn Q, ngày 04/02/2023 anh Q vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đến ngày 04/3/2023 anh Q đã trả số tiền gốc 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), sau đó ngày 25/4/2023 anh Q tiếp tục vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền gốc này đến ngày 17/6/2023 anh Q đã thanh toán xong. Như vậy tổng số tiền gốc Phùng Minh C cho chị Trần Thị L, anh Vũ Thanh Th, chị Mai Thị Ng và anh Trần Văn Q vay số tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó anh Vũ Thanh Th chưa trả số tiền gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và chị Mai Thị Ng chưa trả số tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nên anh Th và chị Ng phải chịu trách nhiệm số tiền trên. C đã thu được số tiền gốc là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) nên bị cáo Phùng Minh C phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng). Tổng số tiền lãi Phùng Minh C thu trong các khoản vay là 57.750.000đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.649.313 (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 50.100.687đ (Năm mươi triệu một trăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

* Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà Phùng Minh C:

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 màu trắng, số IMEI: 357818706710344, điện thoại không lắp sim.

- 01 (một) điện thoại Iphone X màu đen, số IMEI: 357237098951251, điện thoại đang gắn sim số: 0869872365.

- 01 (một) giấy vay tiền (họ tên người vay Phùng Minh C).

Tại kết luận giám định số 1056/KL-KTHS ngày 14/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận đối với 01 điện thoại iphone 11:

Tìm thấy 1629 (một sáu hai chín) tin nhắn SMS, 2843 (hai tám bốn ba) tin nhắn Facebook Messenger, 27 (hai bảy) tin nhắn Instagram, 20904 (hai không chín không bốn) tin nhắn Zalo trong 01 (một) điện thoại di động gửi giám định.

Kèm theo kết luận giám định là 01 (một) tệp tin “Phuluc.rar” dung lượng 221 MB được lưu trữ trong 01 (một) đĩa CD.

Đồng thời qua giám định, các dữ liệu không thể hiện nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của Phùng Minh C đối với các khách hàng, cũng không tìm thấy nội dung có dấu hiệu tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 201; khoản 2 Điều 35; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo số tiền 35 đến 40 triệu đồng; truy thu của bị cáo 75.649.313 đồng, của anh Vũ Thanh Th 110.000.000 đồng, của chị Mai Thị Ng 2.000.000 đồng; buộc bị cáo phải trả lại cho anh Th, chị L, chị Ng và anh Q số tiền đã thu lời bất chính; không khấu trừ thu nhập của bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023 Phùng Minh C đã tám lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 04 người vay, bao gồm: chị Trần Thị L vay hai lần, anh Vũ Thanh Th vay ba lần, chị Mai Thị Ng vay một lần và anh Trần Văn Q vay hai lần, với mức lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất vay “không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Tổng số tiền gốc dùng để cho vay là 195.000.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng) với tổng số tiền lãi đã thu là 57.750.000đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: số tiền lãi tối đa theo quy định trong Bộ luật dân sự là 7.649.313 (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 50.100.687đ (Năm mươi triệu một trăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Do số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần cho vay đều dưới 30.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về hoạt động tín dụng, lợi ích của công dân. Do đó, cần thiết phải buộc bị cáo cải tạo tại địa phương trong một thời gian nhất định để, giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đầu thú được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng các tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này, chị Nguyễn Thị Châu G đã có hành vi hai lần chuyển tiền cho chị Trần Thị L theo yêu cầu của C. Tuy nhiên, chị G không biết mục đích của C là cho vay lãi nặng và số tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng của C đối với chị L cũng chưa đến 30.000.000 đồng nên hành vi của chị G không phải là đồng phạm với C.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Cần thiết phải áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự để phạt bị cáo một khoản tiền nhất định nộp Ngân sách nhà nước.

[4]. Về khấu trừ thu nhập: Quá trình điều tra đã xác định, tại thời điểm bị bắt, bị cáo là công nhân nhưng sau khi bị bắt bị cáo đã mất việc làm, hiện tại bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không xác định được mức thu nhập hàng tháng nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 11 màu trắng, không lắp sim, quá trình điều tra xác định bên trong có các tin nhắn liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đây là công cụ và phương tiện liên lạc để bị cáo phạm tội nên phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Đối với 01 (một) điện thoại Iphone Xs, màu đen, gắn sim số 0869872365, đây là điện thoại của chị Nguyễn Thị Châu G, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Phùng Minh C, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Về số tiền bị cáo cho vay: Tổng số tiền trong tám lần bị cáo cho vay là 195.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong các khoản vay trên, khoản vay của anh Trần Văn Q, ngày 04/02/2023 anh Q vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đến ngày 04/3/2023 anh Q đã trả toàn bộ số tiền gốc trên, sau đó ngày 25/4/2023 anh Q tiếp tục vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền gốc này đến ngày 17/6/2023 anh Q đã thanh toán xong. Như vậy, thực tế Phùng Minh C chỉ sử dụng 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc quay vòng để cho chị Trần Thị L, anh Vũ Thanh Th, chị Mai Thị Ng và anh Trần Văn Q vay. Chị L và anh Q đã trả toàn bộ số tiền gốc cho bị cáo, chị Ng đã trả cho bị cáo 8.000.000 đồng nên phải truy thu của bị cáo số tiền gốc cho vay đã thu về là 68.000.000 đồng. Anh Vũ Thanh Th chưa trả cho bị cáo số tiền đã vay là 110.000.000 đồng và chị Ng cũng chưa trả cho bị cáo 2.000.000 đồng tiền gốc còn lại, nên phải truy thu của anh Th và chị Ng số tiền gốc vay chưa trả để sung quỹ nhà nước.

Về số tiền lãi: Tổng số tiền lãi Phùng Minh C thu trong tám lần cho vay là 57.750.000đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.649.313 (Bảy triệu sáu trăm bốn

mười chín nghìn ba trăm mười ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 50.100.687đ (*Năm mươi triệu một trăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng*). Phải buộc bị cáo trả lại cho chị Trần Thị L, anh Vũ Thanh Th, chị Mai Thị Ng và anh Trần Văn Q số tiền đã thu lợi bất chính và truy thu của bị cáo nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay. Tổng cộng phải truy thu của bị cáo là 75.649.313đ (*Bảy mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười ba đồng*).

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; khoản 2 Điều 35; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Bị cáo Phùng Minh C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phùng Minh C 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 27 ngày (quy đổi từ 09 ngày tạm giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân xã H, huyện H, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại Iphone 11 màu trắng của Phùng Minh Cường (**Đặc điểm của chiếc điện thoại theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung ngày 30/6/2024**).

Truy thu nộp ngân sách nhà nước như sau: của bị cáo Phùng Minh C 75.649.313 đồng (*Bảy mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười ba đồng*); của chị Mai Thị Ng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*); của anh Vũ Thanh Th 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính như sau: Trả cho chị Trần Thị L 14.227.398đ (*Mười bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín tám đồng*); trả cho anh Vũ Thanh Th 24.526.028đ (*Hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai tám đồng*); trả cho chị Mai Thị Ng 3.984.932đ (*Ba triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*); trả cho anh Trần Văn Q 7.362.329đ (*Bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phùng Minh C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hà Trung;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Hà Trung;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hà Trung;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Hà Trung;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

Trịnh Thanh Hương
